

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3930 4372

Fax : (028) 3930 4014

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN QUỐC VIỆT

Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3930 4372

Fax : (028) 3930 4014

Loại thông tin công bố : ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng công bố kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính và vốn chủ sở hữu của Công ty theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2020 như sau:

- Kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 giảm 11.734.172.523 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2020 theo Báo cáo kiểm toán tại ngày 30/06/2020 là (36,707,914,797) đồng.

Nguyên nhân vốn chủ sở hữu bị giảm là do:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 giảm 11.734.172.523 đồng, chi tiết:
 - + Điều chỉnh giảm lợi nhuận gộp về bán hàng do ghi nhận sai là: 2.405.423.166 đồng.
 - + Điều chỉnh tăng bổ sung chi phí do ghi nhận sai kỳ là: 9.328.749.357 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty 6 tháng đầu năm 2020 là (84.567.131.454) đồng.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty từ ngày 17 tháng 09 năm 2020 tại địa chỉ: <http://www.yteco.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 17 tháng 09 năm 2020
Người thực hiện công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quốc Việt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	15 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1984 (tiền thân là Công ty Xuất Nhập Khẩu Y tế), được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 8 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 09 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3930 4372
- Fax : +84 (028) 3930 6909

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa – Lê Lợi – Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 1	Gian E3, Số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Mắt kính Việt Quang	Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 8	Số 6, Phan Bội Châu, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Dụng cụ Y Khoa Yteco	Số 161 đường Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng điện tử và linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị, vật tư y tế;

- Sản xuất máy giặt công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất lò thiêu xác (xác, xử lý rác) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thang máy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất tinh dầu, hương liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dược phẩm, dược liệu;
- Sản xuất thuốc;
- In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán vật liệu ngành in;
- Mua bán thiết bị ngành y tế;
- Mua bán thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật;
- Mua bán thanh máy;
- Mua bán máy giặt công nghiệp;
- Mua bán tinh dầu, hương liệu;
- Mua bán lò thiêu xác (xác, xử lý rác);
- Bán buôn tổng hợp: Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật;
- Bán lẻ thuốc;
- Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị ngành y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất trang trí nội thất (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy phát điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất xe cứu thương (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất xe cứu hỏa (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Mua bán xe cứu thương;
- Mua bán xe cứu hỏa;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Mua bán nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sữa, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc;
- Mua bán hàng điện tử và linh kiện điện tử;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế;
- Mua bán vật tư – máy móc – phụ tùng các loại;
- Mua bán máy phát điện;
- Mua bán kính đeo mắt;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Tổ chức hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh;
- Tư vấn du học;
- Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Giặt ủi;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Đào Cung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Thiện	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Tố Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Công Triết	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Dư Quốc Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Trịnh Đào Cung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Phan Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trịnh Đào Cung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khánh Linh
Chủ tịch

Ngày 16 tháng 9 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A 01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1348/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 9 năm 2020, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 54.398.516.496 VND và xử lý công nợ phải thu 13.106.310.177 VND (xem thuyết minh số VI.7 và VI.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ) vào kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 mà chưa xem xét điều chỉnh hồi tố về các năm trước. Với các tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi chưa xác định được số liệu cần điều chỉnh hồi tố về các năm trước.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 84.567.131.454 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 90.272.013.764 VND, vượt vốn chủ sở hữu 36.707.914.797 VND. Ngoài ra tại ngày này, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 95.182.384.271 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty chưa được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 00100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2020

367
JG
PH
HAI
/ TẾ
NH
HÍ

300
CÔ
CH NI
ATO/
A
/ NH.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		801.181.635.185	733.182.791.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129.381.351.848	138.884.486.864
1. Tiền	111		42.161.351.848	49.406.486.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.220.000.000	89.478.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.570.527.443	18.100.810.590
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	42.570.527.443	18.100.810.590
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		488.994.866.556	470.352.531.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	270.631.222.517	275.116.327.304
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.540.381.904	5.763.573.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	261.418.754.168	190.669.606.530
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(55.595.492.033)	(1.196.975.537)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		132.195.649.965	102.427.537.546
1. Hàng tồn kho	141	V.7	136.488.090.008	102.675.462.255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(4.292.440.043)	(247.924.709)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.039.239.373	3.417.424.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	74.806.950	560.868.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.654.305.135	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.310.127.288	2.856.556.601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.841.725.991	60.134.233.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.218.543.840	51.600.080.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	51.458.022.281	50.793.479.823
- Nguyên giá	222		78.608.391.931	76.048.359.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.150.369.650)	(25.254.879.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	529.965.140	609.459.914
- Nguyên giá	225		1.271.916.364	1.271.916.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(741.951.224)	(662.456.450)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.230.556.419	197.141.003
- Nguyên giá	228		7.679.645.289	1.595.173.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.449.088.870)	(1.398.032.036)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		330.314.378	6.087.161.378
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	330.314.378	6.087.161.378
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.304.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	1.304.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.292.867.773	1.142.991.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.292.867.773	1.142.991.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861.023.361.176	793.317.024.649

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		897.731.275.973	745.149.807.992
I. Nợ ngắn hạn	310		896.364.019.456	743.101.782.529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	193.527.075.628	155.019.678.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	23.806.516.104	24.827.746.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	76.293.550	1.837.571.804
4. Phải trả người lao động	314	V.17	518.117.835	3.348.280.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	262.982.371	596.290.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	306.351.274.363	282.592.039.231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	371.801.637.274	274.458.234.142
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	20.122.331	421.941.331
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.367.256.517	2.048.025.463
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	1.367.256.517	2.048.025.463
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(36.707.914.797)	48.167.216.657
I. Vốn chủ sở hữu	410		(36.707.914.797)	48.167.216.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	22.764.098.967	22.764.098.967
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(90.272.013.764)	(5.396.882.310)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.704.882.310)	(5.396.882.310)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(84.567.131.454)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		861.023.361.176	793.317.024.649

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2020



Phạm Thanh Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.497.230.106	229.501.259.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.509.073.088	7.460.457.839
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		263.988.157.018	222.040.801.935
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	237.460.589.532	195.330.398.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.527.567.486	26.710.403.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.373.693.702	3.154.793.060
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.228.888.783	13.509.879.046
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.600.430.377	12.412.021.402
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	21.631.411.437	16.323.992.485
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	69.389.280.054	12.424.901.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(71.348.319.086)	(12.393.577.145)
11. Thu nhập khác	31		82.404.389	77.191
12. Chi phí khác	32	VI.8	13.301.216.757	889.748
13. Lợi nhuận khác	40		(13.218.812.368)	(812.557)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(84.567.131.454)	(12.394.389.702)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(84.567.131.454)	(12.394.389.702)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	(27.457)	(5.535)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	(27.457)	(5.535)

Phạm Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(84.567.131.454)	(12.394.389.702)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	2.026.041.633	1.899.671.289
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	58.443.031.830	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(1.831.933.415)	(599.700.517)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	10.600.430.377	12.412.021.402
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(15.329.561.029)	1.317.602.472
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(78.148.727.387)	100.964.477.934
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33.812.627.753)	(16.888.144.043)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		63.212.232.329	(21.510.431.660)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		336.184.720	786.926.296
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.600.430.377)	(12.412.021.402)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.409.001.352)	(1.807.229.554)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(401.819.000)	(3.397.550.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(77.153.749.849)	47.053.629.973
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11, 12	(2.887.657.733)	(4.738.325.245)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.713.152.853)	(74.479.753.425)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.547.436.000	14.515.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.831.933.415	599.700.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.221.441.171)	(64.103.378.153)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH


Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	543.375.333.101	506.093.643.902
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(446.485.775.933)	(491.624.135.160)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20b	(226.922.982)	(150.504.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 22	(4.790.578.182)	(3.280.185.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.872.056.004	11.038.819.042
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.503.135.016)	(6.010.929.138)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	138.884.486.864	55.908.906.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	129.381.351.848	49.897.977.723


Phạm Thanh Tuyền
 Người lập


Nguyễn Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Việt
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc – xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng, xử lý nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này bị lỗ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa – Lê Lợi – Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 1	Gian E3, Số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Mắt kính Việt Quang	Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 8	Số 6, Phan Bội Châu, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Dụng cụ Y Khoa Yteco	Số 161 đường Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 130 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là công cụ dụng cụ, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	10

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải, truyền dẫn thuê tài chính là 08 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng; tiền chi ra để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

GT
HAI
IAP
T
HP
IMI
HỒ

49
IG
EM
VY
R
P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	506.924.094	1.637.137.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.654.427.754	47.769.349.634
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	87.220.000.000	89.478.000.000
Cộng	129.381.351.848	138.884.486.864

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	42.570.527.443	42.570.527.443	18.100.810.590	18.100.810.590
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	42.570.527.443	42.570.527.443	18.100.810.590	18.100.810.590
Dài hạn	-	-	1.304.000.000	1.304.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.304.000.000	1.304.000.000
Cộng	42.570.527.443	42.570.527.443	19.404.810.590	19.404.810.590

(i) Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 18.631.989.554 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (xem thuyết minh số V.19 và V.20a)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	22.620.145.714	22.956.460.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	22.620.145.714	22.956.460.000
Phải thu các khách hàng khác	248.363.561.352	252.159.867.304
Công ty TNHH Dược phẩm Trang Thiết bị Y tế T.D	49.317.720.141	53.531.643.213
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	13.449.005.701	14.475.899.474
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	15.487.311.818	7.357.917.505
Công ty TNHH Dược phẩm Tô Tô	9.615.383.560	9.804.272.314
Các khách hàng khác	160.141.655.583	166.990.134.798
Cộng	270.631.222.517	275.116.327.304

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amvi	3.026.472.219	3.026.472.219
Medochemie Ltd.	4.311.507.600	-
A&D Company, Ltd.	2.777.534.279	-
Các nhà cung cấp khác	2.424.867.806	2.737.100.971
Cộng	12.540.381.904	5.763.573.190

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm phải thu	198.065.788	-	218.688.538	-
Tạm ứng	4.642.805.157	-	7.415.513.205	-
Các khoản ký quỹ	1.100.727.795	-	171.265.346	-
Chi hộ chi phí hàng ủy thác	236.813.978.093	-	142.326.564.913	-
Hỗ trợ hoạt động kinh doanh	15.566.173.626	-	36.696.391.406	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.097.003.709	-	3.841.183.122	-
Cộng	261.418.754.168	-	190.669.606.530	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		18.956.460.000	7.740.298.000		18.956.460.000	18.956.460.000
Công ty Cổ phần dược phẩm Quận 3 - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.266.800.000	5.133.400.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm	10.266.800.000	10.266.800.000
Công ty Cổ phần dược phẩm Quận 3 - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	8.689.660.000	2.606.898.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	8.689.660.000	8.689.660.000
Các tổ chức và cá nhân khác		44.379.330.033	-		44.379.330.033	43.182.354.496
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền chi hộ	Quá hạn trên 3 năm	12.011.516.891	-	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.011.516.891	12.011.516.891
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn	Quá hạn trên 3 năm	16.355.119.680	-	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	16.355.119.680	16.355.119.680
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thiết bị Y tế Minh Thành - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	3.829.646.001	-	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.829.646.001	3.829.646.001
Ông Trần Cao Sơn - tạm ứng	Quá hạn trên 3 năm	3.509.648.492	-	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.509.648.492	3.509.648.492
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	8.673.398.969	-	Quá hạn trên 3 năm	8.673.398.969	7.476.423.432
Cộng		63.335.790.033	7.740.298.000		63.335.790.033	62.138.814.496

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.196.975.537	1.196.975.537
Trích lập dự phòng bổ sung	54.398.516.496	-
Số cuối kỳ	55.595.492.033	1.196.975.537

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	87.463.182	-	87.463.182	-
Hàng hóa ⁽¹⁾	136.400.626.826	(4.292.440.043)	102.587.999.073	(247.924.709)
Cộng	136.488.090.008	(4.292.440.043)	102.675.462.255	(247.924.709)

- ⁽¹⁾ Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	247.924.709	1.227.259.710
Trích lập dự phòng bổ sung	4.044.515.334	-
Số cuối kỳ	4.292.440.043	1.227.259.710

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	74.806.950	299.227.801
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	261.640.458
Cộng	74.806.950	560.868.259

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	365.863.970	216.666.670
Công cụ, dụng cụ	69.235.693	75.364.333
Các chi phí trả trước dài hạn khác	857.768.110	850.960.181
Cộng	1.292.867.773	1.142.991.184

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.651.473.728	6.676.479.262	8.940.334.288	3.175.990.170	604.082.000	76.048.359.448
Mua trong kỳ	-	38.181.818	-	-	-	38.181.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.521.850.665	-	-	-	-	2.521.850.665
Số cuối kỳ	59.173.324.393	6.714.661.080	8.940.334.288	3.175.990.170	604.082.000	78.608.391.931
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.094.604.261	214.840.070	3.432.480.225	2.350.939.261	604.082.000	13.696.945.817
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.668.173.783	861.507.670	5.311.470.739	2.809.645.433	604.082.000	25.254.879.625
Khấu hao trong kỳ	1.279.842.672	253.301.676	268.597.146	93.748.531	-	1.895.490.025
Số cuối kỳ	16.948.016.455	1.114.809.346	5.580.067.885	2.903.393.964	604.082.000	27.150.369.650

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	40.983.299.945	5.814.971.592	3.628.863.549	366.344.737	-	50.793.479.823
Số cuối kỳ	42.225.307.938	5.599.851.734	3.360.266.403	272.596.206	-	51.458.022.281
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 439.336.833 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Số đầu năm	1.271.916.364
Số cuối kỳ	1.271.916.364
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	662.456.450
Khấu hao trong kỳ	79.494.774
Số cuối kỳ	741.951.224
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	609.459.914
Số cuối kỳ	529.965.140

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	1.595.173.039	1.595.173.039
Mua trong kỳ	3.500.000.000	2.584.472.250	6.084.472.250
Số cuối kỳ	3.500.000.000	4.179.645.289	7.679.645.289
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.266.604.700	1.266.604.700
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.398.032.036	1.398.032.036
Khấu hao trong kỳ	-	51.056.834	51.056.834
Số cuối kỳ	-	1.449.088.870	1.449.088.870
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	197.141.003	197.141.003
Số cuối kỳ	3.500.000.000	2.730.556.419	6.230.556.419
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	5.941.790.000	142.682.250	(6.084.472.250)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	145.371.378	2.779.023.665	(2.521.850.665)	(72.230.000)	330.314.378
Công trình Chi nhánh Cần Thơ	-	2.521.850.665	(2.521.850.665)	-	-
Các công trình khác	145.371.378	257.173.000	-	(72.230.000)	330.314.378
Cộng	6.087.161.378	2.921.705.915	(8.606.322.915)	(72.230.000)	330.314.378

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13.017.789.447 VND (số đầu năm là 0 VND) được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các kỳ sau.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	29.788.256	-
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	29.788.256	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	193.497.287.372	155.019.678.973
Belasia Limited.	7.725.426.431	10.116.449.414
Neo Unicap Co., Ltd.	10.025.393.970	14.102.298.079
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Y tế Cao Minh	13.801.084.999	13.339.110.687
Hcp Healthcare Asia Pte., Ltd.	12.852.386.762	9.024.900.970
Kalbe International Pte., Ltd.	7.888.101.431	14.687.626.518
Pt. Kalbe Farma Tbk	20.230.283.346	-
Gedeon Richter Plc.	40.419.400.718	-
Các nhà cung cấp khác	80.555.209.715	93.749.293.305
Cộng	193.527.075.628	155.019.678.973

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Dược phẩm Khang Duy	4.301.877.644	3.296.376.644
Nhà thuốc Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	2.714.205.250	2.714.205.250
Các khách hàng khác	16.790.433.210	18.817.164.476
Cộng	23.806.516.104	24.827.746.370

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	641.455.913	4.704.214.915	(4.062.759.002)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	151.121.374	227.414.924	-	76.293.550	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	321.962.264	935.167.900	(820.250.549)	-	207.044.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.837.571.804	-	-	(2.409.001.352)	-	571.429.548
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.468.015.285	1.583.103.260	(443.773.580)	-	328.685.605
Tiền thuê đất	-	183.959.818	1.326.304.135	(1.277.152.862)	-	134.808.545
Thuế nhà thầu	-	55.619.775	55.619.775	-	-	-
Thuế môn bài	-	30.107.805	42.607.805	(12.500.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.314.367	4.315.434	(68.159.744)	-	68.158.677
Cộng	1.837.571.804	2.856.556.601	8.878.748.148	(9.093.597.089)	76.293.550	1.310.127.288

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(84.567.131.454)	(12.394.389.702)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	71.549.342.007	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	(13.017.789.447)	(12.394.389.702)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	762.879	132.997.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.000.000	192.089.033
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	132.219.492	271.203.292
Cộng	262.982.371	596.290.178

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về Upas L/C ⁽ⁱ⁾	231.596.893.444	178.882.294.563
Tài sản thừa chờ xử lý	3.582.085.616	3.830.997.469
Phải trả về thu chi hộ	47.525.304.751	57.652.620.282
Thuế GTGT chờ kê khai	3.012.825.650	-
Cổ tức phải trả	-	4.482.578.182
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải trả	-	39.092.902
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.634.334.283	3.392.680.834
Phải trả Bà Võ Thị Sáu - hợp tác kinh doanh Hiệp thuốc số 1	17.745.000.000	26.780.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	254.830.619	7.531.774.999
Cộng	306.351.274.363	282.592.039.231

⁽ⁱ⁾ Khoản nợ phải trả các ngân hàng về Upas L/C đã được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.7).

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	371.347.791.310	274.458.234.142
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	22.566.544.480	5.375.225.978
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	92.672.491.185	79.785.775.810
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.341.938.658	37.591.152.667
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ^(iv)	27.808.284.000	54.327.652.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh	-	3.471.290.712
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn ^(v)	169.953.652.987	76.066.139.485
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định ^(vi)	13.004.880.000	14.963.386.609
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	2.877.610.881
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	453.845.964	-
Cộng	371.801.637.274	274.458.234.142

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Công ty, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.7).
- (iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 190.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.
- (iv) Khoản vay ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tân được (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 295.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.7).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	274.458.234.142	543.375.333.101	-	(446.485.775.933)	371.347.791.310
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	453.845.964	-	453.845.964
Cộng	<u>274.458.234.142</u>	<u>543.375.333.101</u>	<u>453.845.964</u>	<u>(446.485.775.933)</u>	<u>371.801.637.274</u>

20b. Nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê phương tiện vận tải với lãi suất thả nổi, thời hạn thuê là 60 tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	453.845.964	-
Trên 01 năm đến 05 năm	1.367.256.517	2.048.025.463
Cộng	<u>1.821.102.481</u>	<u>2.048.025.463</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.048.025.463
Số tiền vay đã trả	(226.922.982)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(453.845.964)
Số cuối kỳ	1.367.256.517

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	421.941.331	1.090.177.845
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	3.780.141.556
Chi quỹ trong kỳ	(401.819.000)	(3.397.550.070)
Số cuối kỳ	20.122.331	1.472.769.331

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.800.000.000	20.496.014.034	611.316.629	51.907.330.663
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(12.394.389.702)	(12.394.389.702)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	(3.780.141.556)	(3.780.141.556)
Số dư cuối kỳ trước	30.800.000.000	20.496.014.034	(15.563.214.629)	35.732.799.405
Số dư đầu năm nay	30.800.000.000	22.764.098.967	(5.396.882.310)	48.167.216.657
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(84.567.131.454)	(84.567.131.454)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(308.000.000)	(308.000.000)
Số dư cuối kỳ này	30.800.000.000	22.764.098.967	(90.272.013.764)	(36.707.914.797)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	1.511.000.000	1.458.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	4.663.110.000	3.839.800.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8.932.000.000	8.932.000.000
Các cổ đông khác	15.693.890.000	16.570.200.000
Cộng	30.800.000.000	30.800.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.080.000	3.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 27 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong kỳ này</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.084.000.000	6.776.000.000	308.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.268.084.933	2.268.084.933	-
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.780.141.556	3.780.141.556	-
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	872.356.311	872.356.311	-

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.471.901.740	2.471.901.740
Trên 01 năm đến 05 năm	9.887.606.960	9.887.606.960
Trên 05 năm	50.673.985.670	49.438.034.800
Cộng	63.033.494.370	61.797.543.500

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất của Công ty tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh và tại số 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

23b. Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ thuốc cho các đơn vị khác, chi tiết như sau:

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
Pain Gear - Back Pain (also know as ActiPatch/Actiband) Model No.088	29.197	Miếng
Pain Gear - Knee Pain (also know as ActiPatch/Actiband) Model No.088	26.321	Miếng
Pain Gear Muscle & Joint Pain (also know as ActiPatch/Actiband) Model No.088	17.235	Miếng
Hệ thống Holter huyết áp TM-2430 (Hãng SX: AND - Xuất xứ: Nhật bản)	12	Cái
Máy đo đường huyết: Easy max mini	553	Hộp
Máy đo đường huyết: Easy max mu	200	Cái
Máy đo huyết áp bắp tay (UA-767JP)	1.700	Cái
Máy đo huyết áp bắp tay (UA-1020)	100	Cái
Máy đo huyết áp bắp tay (UA-611)	800	Cái
Máy đo huyết áp bắp tay (UA-651)	100	Cái
Máy đo huyết áp bắp tay (UB-511)	500	Cái
Máy đo huyết áp TM-2657P	10	Cái
Máy hút sữa: EasyMax Electric Breast Pump (Set GEN), Model: 681.83	160	Cái
Máy hút sữa: EasyMax Electric Breast Pump (Set VEN), Model: 681.82	180	Cái
Máy mát xa cầm tay (New squirrel masager) model V-999	225	Cái

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	30.017,67	454.970,78
Euro (EUR)	6,04	6,04
Cộng	30.023,71	454.976,82

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Hoài Khanh	587.734.195	587.734.195
Các đối tượng khác	1.899.395.153	1.899.395.153
Cộng	2.487.129.348	2.487.129.348

Các khoản nợ này được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	216.305.921.082	187.798.790.029
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.191.309.024	41.702.469.745
Cộng	267.497.230.106	229.501.259.774

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về hàng bán bị trả lại với Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 với số tiền là 336.314.286 VND (cùng kỳ năm trước là 528.666.667 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	233.416.074.198	195.330.398.748
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.044.515.334	-
Cộng	237.460.589.532	195.330.398.748

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.831.933.415	599.700.517
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.429.602.851	665.048.001
Chiết khấu thanh toán	1.112.157.436	1.890.044.542
Cộng	5.373.693.702	3.154.793.060

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.600.430.377	12.412.021.402
Chi phí chiết khấu, hàng bán trả chậm	108.784.485	198.976.917
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.519.673.921	898.880.727
Cộng	12.228.888.783	13.509.879.046

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.357.663.988	5.273.879.599
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.298.182	3.203.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.962.362	239.963.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.705.491.133	10.295.041.460
Các chi phí khác	271.995.772	511.904.445
Cộng	21.631.411.437	16.323.992.485

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.330.719.102	6.089.123.890
Chi phí vật liệu quản lý	9.826.668	39.306.664
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.335.330	104.060.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.750.079.271	1.659.707.698
Thuế, phí và lệ phí	1.397.593.389	745.066.962
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	54.398.516.496	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.480.283.789	1.982.163.308
Chi phí bằng tiền khác	2.939.926.009	1.805.472.859
Cộng	69.389.280.054	12.424.901.861

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xóa công nợ phải thu về chiết khấu giảm giá được nhận	13.106.310.177	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	155.159.651	-
Phạt vi do vi phạm hành chính	39.708.348	-
Chi phí khác	38.581	889.748
Cộng	13.301.216.757	889.748

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(84.567.131.454)	(12.394.389.702)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.780.141.556)
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(872.356.311)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(84.567.131.454)	(17.046.887.569)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	3.080.000	3.080.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(27.457)	(5.535)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.460.180	146.570.534
Chi phí nhân công	14.688.383.090	11.363.003.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.026.041.633	1.899.671.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.185.774.922	12.277.204.768
Chi phí khác	59.008.031.666	3.062.444.266
Cộng	91.020.691.491	28.748.894.346

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập trong kỳ của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương, thưởng và thù lao là 1.310.576.700 VND (cùng kỳ năm trước là 1.342.729.326 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	Công ty có liên quan với Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về hàng bán bị trả lại với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về mua hàng hóa từ Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn với số tiền là 205.745.305 VND (cùng kỳ năm trước là 103.356.879 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu năm 2019 liên quan đến ghi nhận doanh thu, giá vốn năm 2019, các chỉ tiêu công nợ và chi phí thuê đất từ năm 2019 trở về trước cũng như các khoản lương thưởng cho nhân viên năm 2019.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	100	692.063.771.565	41.119.019.782	733.182.791.347	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	427.903.634.715	42.448.896.772	470.352.531.487	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	292.642.682.128	(17.526.354.824)	275.116.327.304	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	130.694.354.934	59.975.251.596	190.669.606.530	(ii)
Hàng tồn kho	140	98.418.401.592	4.009.135.954	102.427.537.546	
Hàng tồn kho	141	98.666.326.301	4.009.135.954	102.675.462.255	(iii)
Tài sản ngắn hạn khác	150	8.756.437.804	(5.339.012.944)	3.417.424.860	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8.195.569.545	(5.339.012.944)	2.856.556.601	(iv)
Tổng cộng tài sản	270	752.198.004.867	41.119.019.782	793.317.024.649	
Nợ phải trả	300	692.296.615.687	52.853.192.305	745.149.807.992	
Nợ ngắn hạn	310	663.468.590.224	79.633.192.305	743.101.782.529	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	36.806.452.316	(11.978.705.946)	24.827.746.370	(v)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Phải trả người lao động	314	-	3.348.280.500	3.348.280.500	(vi)
Phải trả ngắn hạn khác	319	194.328.421.480	88.263.617.751	282.592.039.231	(vii)
Nợ dài hạn	330	28.828.025.463	(26.780.000.000)	2.048.025.463	
Phải trả dài hạn khác	337	26.780.000.000	(26.780.000.000)	-	(viii)
Vốn chủ sở hữu	400	59.901.389.180	(11.734.172.523)	48.167.216.657	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.337.290.213	(11.734.172.523)	(5.396.882.310)	(ix)
Tổng cộng nguồn vốn	440	752.198.004.867	41.119.019.782	793.317.024.649	
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Các điều chỉnh gồm:					
Giảm do điều chỉnh giảm doanh thu ghi nhận sai				(6.414.559.120)	
Giảm do ghi nhận sai thuế giá trị gia tăng phải nộp				(641.455.913)	
Giảm do cần trừ số dư phải thu khách hàng và người mua trả trước cùng đối tượng				(11.978.705.946)	
Giảm do điều chỉnh sang phải thu ngắn hạn khác				(43.200.000)	
Tăng do ghi nhận phải thu khách hàng - tài sản thừa xử lý				1.551.566.155	
Cộng				(17.526.354.824)	
(ii) Phải thu ngắn hạn khác					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Tăng do phân loại lại số dư phải thu khách hàng				43.200.000	
Tăng do ghi nhận phải thu ngắn hạn khác - tài sản thừa xử lý				2.279.431.314	
Tăng do ghi nhận phải thu phải trả về thu chi hộ				57.652.620.282	
Cộng				59.975.251.596	
(iii) Hàng tồn kho					
Tăng do điều chỉnh giảm giá vốn ghi nhận sai.					
(iv) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Giảm do ghi nhận chi phí thuê đất giai đoạn trước năm 2019				(4.609.990.473)	
Giảm do ghi nhận chi phí thuê đất năm 2019				(1.370.478.384)	
Tăng do ghi nhận sai thuế giá trị gia tăng phải nộp				641.455.913	
Cộng				(5.339.012.944)	
(v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Giảm do cần trừ số dư phải thu khách hàng và người mua trả trước cùng đối tượng.					
(vi) Phải trả người lao động					
Tăng do ghi nhận bổ sung chi phí lương thưởng phải trả cho nhân viên năm 2019.					
(vii) Phải trả ngắn hạn khác					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Tăng do ghi nhận phải thu khách hàng - tài sản thừa xử lý				1.551.566.155	
Tăng do ghi nhận phải thu ngắn hạn khác - tài sản thừa xử lý				2.279.431.314	
Tăng do ghi nhận phải thu phải trả về thu chi hộ				57.652.620.282	
Tăng do phân loại lại khoản phải trả dài hạn sang ngắn hạn				26.780.000.000	
Cộng				88.263.617.751	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(viii) Phải trả dài hạn khác

Phân loại lại khoản phải trả dài hạn sang ngắn hạn.

(ix) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Các điều chỉnh bao gồm:

Giảm do điều chỉnh giảm doanh thu ghi nhận sai	(6.414.559.120)
Tăng do điều chỉnh giảm giá vốn ghi nhận sai	4.009.135.954
Giảm do ghi nhận chi phí thuê đất giai đoạn trước năm 2019	(4.609.990.473)
Giảm do ghi nhận chi phí thuê đất năm 2019	(1.370.478.384)
Giảm do tăng chi phí lương thưởng cho nhân viên năm 2019	(3.348.280.500)
Cộng	(11.734.172.523)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 84.567.131.454 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 90.272.013.764 VND, vượt vốn chủ sở hữu 36.707.914.797 VND. Ngoài ra tại ngày này, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 95.182.384.271 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đang tiến hành các phương án thu hồi nợ, tái cơ cấu hoạt động để hồi phục kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đang xem xét tăng vốn điều lệ và thương lượng với ngân hàng để gia hạn nợ vay phải trả. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phạm Thanh Tuyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2020



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

